

Bản án số: 250/2022/DS-PT
Ngày: 16 - 12 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2022/QĐPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B; Cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn Út N; Cư trú tại: Tổ 6, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Nguyễn Thị Kim H; Cư trú tại: Tổ 2, ấp Y, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 02/4/2019 âm lịch, bà cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H vay số tiền 600.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 12.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 02/4/2019 âm lịch đến ngày 02/4/2020 âm lịch, việc vay tiền có lập biên nhận. Cùng ngày 02/4/2019 âm lịch bà đã giao đủ số tiền 600.000.000 đồng cho anh Út N và chị H nhận.

Trong quá trình vay tiền đến khi hết hạn hợp đồng vay, anh Út N và chị H không trả tiền lãi và tiền vốn cho bà. Sau đó, anh Út N, chị H thỏa thuận trả dần tiền vốn là 50.000.000 đồng/tháng từ tháng 01/2022 âm lịch đến tháng 12/2022 âm lịch cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên, từ tháng 01/2022 âm lịch đến tháng 3/2022 âm lịch, anh Út N và chị H trả được cho bà 3 lần tiền, tổng cộng 150.000.000 đồng, đến tháng 5/2022 trả thêm 10.000.000 đồng cho đến nay anh Út N và chị H không trả cho bà khoản tiền nào nữa. Bà xác định anh Út N và chị H còn nợ bà số tiền 440.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu anh Út N và chị H phải trả cho bà số tiền vốn là 440.000.000 đồng và tính lãi tính từ ngày 06/5/2019 dương lịch (tức ngày 02/4/2019 âm lịch) cho đến ngày 06/7/2022 với mức lãi suất là 1,66%/tháng, cụ thể: $440.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 38 \text{ tháng} = 277.552.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng anh Út N và chị H phải trả cho bà số tiền nợ gốc và lãi là 717.552.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Anh chị thừa nhận có vay của bà B số tiền là 591.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng nên mỗi tháng anh chị đóng lãi cho bà B là 29.000.000 đồng/tháng và đã đóng được 33 tháng với tổng số tiền là 957.000.000 đồng. Từ ngày 28/01/2022 âm lịch đến ngày 02/6/2022 âm lịch anh đã trả cho bà B số tiền 160.000.000 đồng nên anh còn nợ lại số tiền gốc là 431.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ gốc 431.000.000 đồng cho bà B, còn phần lãi là 277.552.000 đồng anh chị không

đồng ý trả cho bà B vì anh chị có thỏa thuận miệng với bà B là không tính lãi nữa và bà B đồng ý, việc thỏa thuận này không lập thành văn bản. Anh chị thừa nhận có ký biên nhận nợ cho bà B với số tiền là 600.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền gốc là 440.000.000 đồng và tiền lãi là 148.514.666 đồng. Tổng số tiền 588.514.666 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo với nội dung anh chị chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền vốn là 431.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi cho bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Út N và chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Út N, chị H đồng ý trả cho bà B số tiền vốn 431.000.000 đồng nhưng xin trả dần do đang gặp khó khăn. Tiền lãi anh, chị yêu cầu tính lãi từ ngày 02/6/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bà B thừa nhận số tiền vay 600.000.000 đồng theo biên nhận vay tiền lập ngày 02/4/2019 âm lịch giữa bà B với anh Út N, chị H thì tiền vốn vay là 591.000.000 đồng, lãi 9.000.000 đồng. Sau khi vay anh Út N, chị H đã trả tiền vốn cho bà B 3 lần bằng số tiền 160.000.000 đồng nay còn nợ vốn số tiền 431.000.000 đồng. Phần tiền lãi bà B yêu cầu anh Út N, chị H trả lãi từ ngày 02/4/2019 âm lịch (tức ngày 06/5/2019 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm bằng số tiền 130.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vốn bằng 431.000.000 đồng, lãi 130.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi bằng 561.000.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H thừa nhận số tiền 600.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 02/4/2019 âm lịch có 591.000.000 đồng tiền vốn và lãi 9.000.000 đồng. Sau đó, anh Út N, chị H đã trả cho bà B ba lần tiền vốn tổng cộng là 160.000.000 đồng. Nay anh Út N và chị H kháng cáo đồng ý trả tiền tiếp số tiền vốn còn nợ là 431.000.000 đồng và bà B đồng ý.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh Út N và chị H về việc xác định số tiền vốn còn nợ bà B số tiền 431.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, anh Út N và chị H kháng cáo cho rằng sau khi vay tiền anh Út N, chị H đã trả vốn cho bà B 3 lần tiền. Cụ thể: Ngày 28/01/2022 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/3/2022 trả 100.000.000 đồng và ngày 02/6/2022 trả 10.000.000 đồng, tổng cộng 160.000.000 đồng. Do đó, anh Út N, chị H kháng cáo yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn còn lại 431.000.000 đồng từ ngày 02/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định nhưng bà B không đồng ý. Anh Út N và chị H cho rằng đã đóng tiền lãi cho bà B đến tháng 4/2022 được 33 tháng, mỗi tháng là 29.000.000 đồng và đến ngày 02/4/2019 âm lịch hai bên chốt nợ thì thỏa thuận ngừng đóng lãi. Tuy nhiên, bà B không thừa nhận việc anh Út N, chị H đóng lãi cho bà và tại phiên tòa anh Út N, chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh có đóng tiền lãi cho bà B.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi cho bà B từ ngày 06/5/2019 dương lịch (tức ngày 02/4/2019 âm lịch) đến ngày 26/9/2022 dương lịch tương đương 40 tháng 20 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp. Do xác định lại số tiền vốn còn nợ nên số tiền lãi được tính như sau: $431.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 145.477.000 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà B yêu cầu anh Út N và chị H trả tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng quy định từ ngày vay 06/5/2019 dương lịch (tức ngày 02/4/2019 âm lịch) đến ngày 26/9/2022 dương lịch bằng số tiền 130.000.000 đồng là có lợi cho anh Út N, chị H và phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Như vậy, tổng cộng vốn lãi anh Út N và chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền là 561.000.000 đồng.

[3] Án phí dân sự:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu các bị đơn anh Út N và chị H trả tiền vốn, lãi bằng 717.552.000 đồng. Án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn trả số tiền vốn lãi bằng 588.514.666 đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Xét cấp sơ thẩm không buộc bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là không đúng quy định pháp luật.

Do đó, cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm phần án phí cho phù hợp. Như vậy, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $(717.552.000 \text{ đồng} - 561.000.000 \text{ đồng}) = 156.552.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.827.600 \text{ đồng}$.

Anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà B: $561.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\%$ ($561.000.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}$) = 26.440.000 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 60/2022/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H trả tiền vốn và lãi với số tiền là 561.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền gốc là 431.000.000 đồng và tiền lãi là 130.000.000 đồng. Tổng vồng lãi là 561.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H trả tiền vốn và lãi với số tiền là 156.552.000 đồng.

3. Án phí dân sự:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.827.600 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà B đã nộp là 16.351.000 đồng theo biên lai số 13738 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bà B số tiền chênh lệch là 8.523.400 đồng (tám triệu năm trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn Út N và chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.440.000 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 13792 và 13793 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ anh Út N và chị H còn phải nộp 25.840.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.BT: 01;
- VKSND H.BT: 01;
- Chi Cục THADS H.BT: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca